

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 03-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Đào Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S;

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S - Chi nhánh N; địa chỉ: 268 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, tổ dân phố 5, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 201/2021/GUQ-CNNH ngày 19/5/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Linh Qu, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5 Đông Hoà, phường M, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 20/9/2022, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu có ký với Ngân hàng S – Chi nhánh N (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Qu tại thời điểm ký hợp đồng,

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Qu đã thực hiện các giao dịch là 40.102.910 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay bà Qu chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền 35.085.000đ sau đó bà Qu không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở.

Do bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 10/4/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/6/2024 là 48.434.142 đồng (trong đó nợ gốc: 33.099.182 đồng; nợ lãi trong hạn: 10.223.307 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.111.653đ) và yêu cầu bà Qu tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Nguyễn Hoàng Linh Qu nhưng bà Qu cố tình trốn tránh, không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/6/2024 là 48.434.142 đồng (trong đó nợ gốc: 33.099.182 đồng; nợ lãi trong hạn: 10.223.307 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.111.653đ). Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/6/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Linh Qu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20/9/2022, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu có ký với Ngân hàng S – Chi nhánh N (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Qu tại thời điểm ký hợp đồng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà Qu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S khởi kiện bà Qu tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Bà Nguyễn Hoàng Linh Qu là bị đơn có nơi cư trú tại: Tổ dân phố 5 Đông Hoà, phường Ninh Hải, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng sử dụng thẻ ký giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Hoàng Linh Qu là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Việc bà Nguyễn Hoàng Linh Qu không thực hiện trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải thanh toán số nợ gốc và lãi là có căn cứ và được chấp nhận.

Về tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, ký kết giữa bà Nguyễn Hoàng Linh Qu và đại diện của Ngân hàng S, cùng với các bảng tóm tắt sao kê của thẻ tín dụng 472074-2479 của bà Nguyễn Hoàng Linh Qu từ ngày 10/9/2022 đến ngày 03/6/2024, xác định được tổng số tiền bà Qu đã giao dịch là 60.000.000 đồng. Tính đến lần thanh toán cuối cùng bà Qu đã thanh toán trả Ngân hàng S được tổng số tiền 35.085.000đ. Số tiền nợ gốc và lãi còn phải trả tính đến ngày 03/6/2024 là 48.434.142 đồng (trong đó nợ gốc: 33.099.182 đồng; nợ lãi trong hạn: 10.223.307 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.111.653đ).

Về tiền nợ lãi: Căn cứ nguyên tắc tính lãi, phí thẻ tín dụng quốc tế 472074-2479 xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của mức lãi suất 2,5%/tháng. Như vậy tổng số tiền lãi từ ngày 10/9/2022 đến ngày 03/6/2024 là 15.334.960 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải trả cho Ngân hàng S tính đến ngày 03/6/2024 là: 33.099.182 đồng + 15.334.960 đồng = 48.434.142 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các

bên thỏa thuận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận, vì vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.434.142 (bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi hai) đồng (trong đó nợ gốc: 33.099.182 đồng; nợ lãi trong hạn: 10.223.307 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.111.653 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Hoàng Linh Qu còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Linh Qu phải chịu 2.421.700 (hai triệu bốn trăm hai mươi một ngàn bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền 1.002.573 (một triệu không trăm lẻ hai ngàn năm trăm bảy mươi ba) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0005257 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh